

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 26-9-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Chiều.

2. Ông Trần Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Yên Thị Bích S, sinh năm 1991, tại xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp công nhân; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Yên S và bà Nguyễn Thị Thu H; có chồng Điền Minh T và 02 con, lớn nhất 05 tuổi, nhỏ nhất 11 tháng; tiền án không; tiền sự không; nhân thân tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/7/2018 (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1957 (có mặt).

2. Bà Trần Kim H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại bà Trần Kim H: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1957; nơi cư trú ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Điền Minh T2, sinh năm 1990; nơi cư trú ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Đoàn Thị Lệ T3, sinh năm 1992; nơi cư trú ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

3. Trần Thị Kiều D, sinh năm 1984; nơi cư trú ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27/7/2018, bị cáo Yên Thị Bích S một mình điều khiển xe mô tô biển số 83F5-9908 từ nhà đến tiệm vải T thuộc ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng định mua vải về may áo dài. Tại đây, bị cáo mua một hộp phấn hiệu Baby với giá 27.000 đồng và đưa tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng cho bà Trần Kim H (chủ tiệm vải), lúc bà H thò tiền cho bị cáo thì bị cáo để ý thấy trong ngăn tủ có nhiều tiền để trong bóp nhưng không khóa tủ nên bị cáo nảy sinh ý định trộm tiền của bà H. Lợi dụng lúc mọi người đang bán hàng không để ý, bị cáo lại gần tủ đựng tiền giả vờ xem vải rồi mở tủ lấy đi cọc tiền 10.000.000 đồng (loại mệnh giá 200.000 đồng) giấu vào túi áo khoác rồi lên xe chạy về nhà. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bà H kiểm tra thì phát hiện bị mất tiền nên xem lại camera của gia đình, thấy và nghi ngờ người phụ nữ mặc áo khoác màu xanh mua hộp phấn trộm tiền nên đã trình báo Công an thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi lấy được tiền tiêu sài hết, đến chiều ngày 28/7/2018, bị cáo đến Cơ quan Công an đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đến ngày 29/7/2018, bị cáo giao nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục cho bị hại.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 xe Mô tô biển số: 83F5-9908 và 01 giấy đăng ký xe mang tên Điền L; 01 mũ bảo hiểm nữ màu xanh; 01 bộ quần áo nữ có hoa văn màu đỏ, đen; 01 áo khoác nữ màu xanh; số tiền 10.000.000 đồng, sau khi làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Kim H và Nguyễn Phước T1 đã nhận lại đủ số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-MT ngày 30/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Yên Thị Bích S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Phước T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Trần Kim H thống nhất với bản cáo trạng và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, số tiền bị thiệt hại bị hại đã nhận lại đầy đủ nên không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Yên Thị Bích S và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Ngoài ra, bị cáo còn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo không có ý kiến bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo sai nên bị cáo chịu hình phạt của pháp luật, bị cáo hứa không sai phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người làm chứng Đoàn Thị Lệ T3, Trần Thị Kiều D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng nêu trên.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Yên Thị Bích S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/7/2018, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển số 83F5-9908 từ nhà đến tiệm vải T thuộc ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng định mua vải về may áo dài. Tại đây, bị cáo mua một hộp phấn hiệu Baby với giá 27.000 đồng và đưa tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng cho bà Trần Kim H (chủ tiệm vải), lúc bà H trả lại tiền thừa cho bị cáo thì bị cáo để ý thấy trong ngăn tủ có nhiều tiền để trong bóp (ví) nhưng tủ không khóa nên bị cáo nảy sinh ý định trộm tiền của bà H. Lợi dụng lúc mọi người đang bán hàng không để ý, bị cáo lại gần tủ đựng tiền giả vờ xem vải rồi lén lút mở tủ lấy đi cọc tiền 10.000.000 đồng (loại mệnh giá 200.000 đồng) giấu vào túi áo khoác rồi lên xe chạy về nhà.

[4] Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ và thời gian gần đây trên địa bàn huyện M đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai, sau khi bị khởi tố bị can trong vụ án này khoảng một tháng sau thì bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của người khác tại thành phố S với số tiền 7.000.000 đồng và đang được Cơ quan điều tra Công an thành phố S thụ lý điều tra. Như vậy, cho thấy bị cáo không có khả năng tự cải tạo, nếu xử bị cáo phạt tù nhưng cho hưởng án treo sẽ ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần thiết xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[6] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa

sơ thẩm, bị cáo thật thà khai báo; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú tại cơ quan Công an, khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc Khmer. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Tại phiên toà sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Kim H và Nguyễn Phước T1 đã nhận lại đủ số tiền 10.000.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Yên Thị Bích S là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Yên Thị Bích S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Yên Thị Bích S 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Yên Thị Bích S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể

từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện M;
- CAND huyện M (CQTHAHS, Đội điều tra);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn